

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 58 Yersin - Phường Phương Sơn - Nha trang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Khánh hòa ngày 20 tháng 10 năm 2014



CÔNG TY TNHH CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		152,650,390,178	187,309,579,215
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	81,759,415,156	124,770,143,540
1. Tiền	111		19,759,415,156	72,770,143,540
2. Các khoản tương đương tiền	112		62,000,000,000	52,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32,738,322,063	28,428,875,105
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	23,515,869,063	26,543,295,959
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	9,222,453,000	1,107,603,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	-	777,976,146
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		35,587,128,432	30,503,337,223
1. Hàng tồn kho	141	V.5	35,587,128,432	30,503,337,223
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,565,524,527	3,607,223,347
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	468,886,985	234,276,642
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	850,245,554
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	1,108,812,542	2,394,251,151
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	987,825,000	128,450,000

22
 09/10
 CẤP
 KH
 TRA

CÔNG TY TNHH CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		295,364,774,205	311,277,848,355
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		264,210,043,782	269,383,862,306
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	214,021,172,069	237,749,378,716
<i>Nguyên giá</i>	222		472,059,306,911	463,856,302,911
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(258,038,134,842)	(226,106,924,195)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	20,357,771,006	21,416,561,715
<i>Nguyên giá</i>	228		22,698,885,000	22,698,885,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,341,113,994)	(1,282,323,285)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	29,831,100,707	10,217,921,875
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		300,000,000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		300,000,000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		30,854,730,423	41,893,986,049
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	30,854,730,423	41,893,986,049
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		448,015,164,383	498,587,427,570

CÔNG TY TNHH CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		162,299,180,011	225,278,201,424
I. Nợ ngắn hạn	310		53,123,554,279	115,316,441,147
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	4,963,080,000	8,119,620,000
2. Phải trả người bán	312	V.14	2,144,131,538	5,320,126,000
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	1,482,540,751	782,982,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	24,348,080,583	23,331,548,311
5. Phải trả người lao động	315	V.17	13,045,414,427	16,713,932,021
6. Chi phí phải trả	316	V.18	1,164,498,485	794,500,999
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	824,615,126	45,965,823,899
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	5,151,193,369	14,287,907,917
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		109,175,625,732	109,961,760,277
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	11,458,963,354	12,230,363,354
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	97,716,662,378	97,716,662,378
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	14,734,545
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		285,715,984,372	273,309,226,146
I. Vốn chủ sở hữu	410		285,075,634,372	272,218,876,146
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	260,000,000,000	260,000,000,000
1 Vốn Nhà nước			206,000,000,000	206,000,000,000
2 Vốn của thể nhân và pháp nhân khác			54,000,000,000	54,000,000,000
3 Thặng dư vốn cổ phần	412		852,875,935	852,875,935
4 Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.24	-	-
5 Cổ phiếu quỹ	414		-	-
6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	V.24	-	-
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
8 Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	4,891,090,568	4,891,090,568
9 Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	-	-
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	19,331,667,869	6,474,909,643
12 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	V.24	-	-
13 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		640,350,000	1,090,350,000
1. Nguồn kinh phí	432	V.25	640,350,000	1,090,350,000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		448,015,164,383	498,587,427,570

CÔNG TY TNHH CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 10 năm 2014



Nguyễn Văn Quân
Người lập biểu

Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởng

Trần Văn Huy
Chủ tịch Hội đồng quản trị

07 - C
PHẦN
NƯỚC
HÒA
KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**9 tháng đầu năm 2014****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****9 tháng đầu năm 2014**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Quý này	Năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	55,597,431,724	137,841,510,060
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		909,090	10,221,776
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	55,596,522,634	137,831,288,284
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	44,940,992,097	113,521,955,886
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10,655,530,537	24,309,332,398
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,057,561,574	2,731,427,461
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,692,035,717	4,228,377,990
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,692,035,717	4,228,377,990
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	1,328,596,404	3,957,713,398
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8,692,459,990	18,854,668,471
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1,044,549,582	3,002,139,150
12. Chi phí khác	32	VI.7	1,044,112,774	2,634,683,583
13. Lợi nhuận khác	40		436,808	367,455,567
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8,692,896,798	19,222,124,038
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	835,733,342	1,985,438,609
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7,857,163,456</u>	<u>17,236,685,429</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-



Nguyễn Văn Quân
Người lập biểu



Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởng

Trần Văn Huy
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Khánh Hòa, ngày 17 tháng 10 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA
58 Yersin - Phường Phương Sài - TP Nha Trang

BẢNG TÍNH THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	9 Tháng đầu năm	Hoạt động sản xuất nước	Hoạt động khác
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	137,841,510,060	127,545,453,977	10,296,056,083
2. Các khoản giảm trừ	02		10,221,776	-	10,221,776
+ Chiết khấu thương mại	03			-	
+ Giảm giá	04			-	
+ Hàng bán bị trả lại	06		10,221,776		10,221,776
+ Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT phải nộp	07			-	
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 02)	10		137,831,288,284	127,545,453,977	10,285,834,307
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	113,521,955,886	105,141,144,793	8,380,811,093
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20		24,309,332,398	22,404,309,184	1,905,023,214
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2,731,427,461		2,731,427,461
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	4,228,377,990		4,228,377,990
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,228,377,990		4,228,377,990
8. Chi phí bán hàng	24			-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,957,713,398	3,662,092,441	295,620,957
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		18,854,668,471	18,742,216,743	112,451,728
11. Thu nhập khác	31		3,002,139,150		3,002,139,150
12. Chi phí khác	32		2,634,683,583		2,634,683,583
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		367,455,567		367,455,567
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		19,222,124,038	18,742,216,743	479,907,295
Chi phí loại trừ khi tính thuế (các khoản nộp phạt)	51		25,624,228	-	25,624,228
15. Lợi nhuận kế toán tính thuế (52 = 50+51)	52		19,247,748,266	18,742,216,743	505,531,523
Tỷ suất tính thuế TNDN				10.00%	22.00%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	53	VI.30	1,985,438,609	1,874,221,674	111,216,935
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	54	VI.30		-	
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải trả	55A			-	
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải thu	55B			-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		17,236,685,429	16,867,995,069	368,690,360

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

70

Đã hạch toán thuế từ đầu năm

Quý 1

390,414,972

Quý 2

759,290,295

Còn lại Hạch toán quý 3

835,733,342

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và cung cấp nước sạch; Thi công lắp đặt công trình trạm bơm và đường ống cấp thoát nước; Thiết kế mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước; Tư vấn thẩm tra mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước.

4. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014, Công ty có 312 nhân viên đang làm việc tại Công ty.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2014, Công ty đã hoàn thành công tác Cổ phần hóa và đã được cấp giấy phép hoạt động kê từ ngày 01/01/2014. Sau khi Báo cáo tài chính đã được kiểm toán thì ngày 14 tháng 05 năm 2014 Cục thuế Khánh Hòa đã tiến hành kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2013 để thống nhất số liệu tài chính trước khi chuyển sang Công ty Cổ phần.. Ngày 19/06/2014 UBND tỉnh Khánh Hòa có công văn số 3683 phê duyệt Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận năm 2013 . Ngày 08/09/2014 Kiểm toán Nhà nước đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Khánh Hòa (nay là Công ty cổ phần Cấp Thoát Nước Khánh Hòa).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 Tháng đầu năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

U.N.
CỔ
CÁ
K
NHA TRANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 Tháng đầu năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Năm nay, thực hiện Cổ phần hóa Doanh nghiệp, tài sản của Công ty được đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 07 tháng 6 năm 2013, Công ty thực hiện khấu hao tài sản cố định bằng cách lấy giá trị còn lại chia thời gian sử dụng còn lại do Công ty xác định.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (25 năm).

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 03 - 05 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để lập quy hoạch hệ thống cấp nước TP. Nha Trang và Huyện Diên Khánh đến 2010 và định hướng đến 2025. Tài sản này được khấu hao 15 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt máy móc, thiết bị, đường ống,... chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

4200
NG T
.PTH
HÁN
'ANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 Tháng đầu năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 3 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: công cụ, dụng cụ, các tuyến ống, chi phí sửa chữa lớn tài sản, đồng hồ thuê bao đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ như sau:

	Số năm
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	02
Các tuyến ống	2 - 3
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	2 - 3
Đồng hồ thuê bao	2 - 3
Hệ thống nước	2 - 3

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc làm là ½ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu do Ngân sách Nhà nước cấp và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Sau khi Cổ phần vốn điều lệ của Công ty do Nhà nước nắm giữ chiếm 79,23% và Của các thể nhân khác nắm giữ 20,77%.

13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Quỹ đầu tư phát triển với mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty,.... Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế là 30%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 Tháng đầu năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi với mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

07
HÀ
ƯỚ
ÒA
HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 Tháng đầu năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và được ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 Tháng đầu năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin - Phường Phương Sài - Tp. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền	19,759,415,156	72,770,143,540
- Tiền mặt	66,688,953	33,542,558
- Tiền gửi Ngân hàng	19,692,726,203	72,736,600,982
+ Ngân hàng Công Thương Khánh Hòa	10,917,576,370	9,104,968,888
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Khánh Hòa - Vãng lai	0	53,289,651,089
+ Kho bạc Nhà nước Tỉnh Khánh Hòa	269,454	50,754
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	454,155,240	771,900
+ Ngân hàng Eximbank Khánh Hòa	7,923,396,467	7,764,324,277
+ Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Khánh Hòa	397,328,672	2,576,834,074
Các khoản tương đương tiền	62,000,000,000	52,000,000,000
Cộng:	81,759,415,156	124,770,143,540

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn		
Cộng:	0	0

03. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hóa đơn tiền nước	23,059,051,287	16,401,356,037
- Ban QLDA các công trình Giao thông và Thủy lợi Khánh Hòa		12,500,000
- Phòng tài chính thành phố Nha Trang		8,194,321,000
- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Nha Trang	199,258,776	1,582,471,922
- Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Khánh Hòa		196,130,000
- Trung tâm quản lý nhà và chung cư		56,773,000
- UBND phường Vĩnh Nguyên		99,744,000
- UBND tỉnh phố Nha Trang	197,676,000	0
- UBND phường Vĩnh Hải	59,883,000	0
Cộng:	23,515,869,063	26,543,295,959

04. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Việt Phố	453,000,000	0
- Công ty cổ phần Quản lý & Xây dựng giao thông Khánh Hòa	93,069,000	0
- Công ty CP chứng khoán Đại Dương - CN Sài Gòn (OCSSG)	8,000,000	0
- Công ty cổ phần kỹ thuật Á Châu	3,503,450,000	0
- Công ty truyền thông ADTEC	554,400,000	0
- Công ty CP tự động công nghiệp OMINA	1,859,204,000	0
- Công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng và môi trường (IDECA)	437,910,000	0
- Công ty TNHH công nghệ môi trường & tư vấn phát triển NBB	24,500,000	0

- Công ty TNHH một thành viên Đồng Phát	77,700,000	0
- Công ty TNHH thương mại và công nghệ B.A.C.A.U	1,991,500,000	631,680,000
- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Minh Quân	25,520,000	25,520,000
- DNTN Tuyệt Anh	36,000,000	36,000,000
- Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng công trình Khánh Vi	0	57,852,000
- Công ty TNHH xây dựng và thương mại Hà Châu	0	202,951,000
- Trung tâm kiểm nghiệm	4,600,000	0
- Cty Cổ phần CATSOFT	53,600,000	53,600,000
- Cty Cổ phần 504	100,000,000	100,000,000
Cộng:	9,222,453,000	1,107,603,000

05. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	0	0
- Phải thu về cổ phần hoa	0	0
- Thuế TNCN phải thu CBCNV	0	689,969,530
- Bảo hiểm xã hội	0	88,006,616
Cộng:	0	777,976,146
	0	0

06. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	32,850,002,510	29,489,277,080
- Công cụ, dụng cụ	0	61,089,210
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2,737,125,922	952,970,933
- Đồng hồ xuất đi kiểm định	0	0
Cộng:	35,587,128,432	30,503,337,223
	0	0

07. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT được khấu trừ	0	850,245,554
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,108,812,542	2,394,251,151
- Thuế GTGT đầu ra	0	0
Cộng:	1,108,812,542	3,244,496,705
	0	0

08. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí trả trước ngắn hạn	468,886,985	234,276,642
- Tạm ứng	967,825,000	108,450,000
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20,000,000	20,000,000
Cộng:	1,456,711,985	362,726,642



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin - Phường Phương Sài - Tp. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM, 2014

09. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải , truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
a- Nguyên giá					
- Số dư đầu năm	40,714,494,677	100,984,924,183	321,308,443,217	848,440,834	463,856,302,911
- Mua trong năm	0	1,816,759,091	787,859,909	0	2,604,619,000
- Đầu tư XD CB hoàn thành		0	5,598,385,000		5,598,385,000
- Tăng khác					0
- Chuyển BDS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0
- Giảm khác		0		0	0
Số dư cuối năm	40,714,494,677	102,801,683,274	327,694,688,126	848,440,834	472,059,306,911
b- Hao mòn lũy kế					
- Số dư đầu năm	20,612,715,886	68,826,892,466	136,119,398,584	547,917,259	226,106,924,195
- Khấu hao trong năm	2,697,310,041	9,727,821,389	19,319,540,417	186,538,800	31,931,210,647
- Tăng khác					
- Chuyển BDS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0
- Giảm khác		0	0	0	0
Số dư cuối năm	23,310,025,927	78,554,713,855	155,438,939,001	734,456,059	258,038,134,842
c- Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	20,101,778,791	32,158,031,717	185,189,044,633	300,523,575	237,749,378,716
- Tại ngày cuối quý 30/09/2014	17,404,468,750	24,246,969,419	172,255,749,125	113,984,775	214,021,172,069

(Ng. -) (2002) CTY CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định khác	Quyền sử dụng đất	Cộng
a- Nguyên giá				
- Số dư đầu năm	2,579,904,000	20,118,981,000	0	22,698,885,000
- Mua trong năm	0			0
- Tạo ra từ nội bộ DN				
- Tăng do hợp nhất KD				
- Tăng khác				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Số dư cuối năm	2,579,904,000	20,118,981,000	0	22,698,885,000
b- Hao mòn lũy kế				
- Số dư đầu năm	1,082,289,601	200,033,684	0	1,282,323,285
- Khấu hao trong năm	442,805,356	31,039,803	584,945,550	1,058,790,709
- Tăng khác				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Số dư cuối năm	1,525,094,957	231,073,487	584,945,550	2,341,113,994
c- Giá trị còn lại				0
- Tại ngày đầu năm	1,497,614,399	19,918,947,316		21,416,561,715
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014	1,054,809,043	19,887,907,513		20,357,771,006

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Tăng phát sinh trong kỳ	K/c TSCĐ	Giảm khác	Tồn cuối kỳ
Nâng công suất Nhà máy nước Võ cạnh	1,582,196,718	322,220,752	0	0	1,904,417,470
Dự án cấp nước Xã Vĩnh Lương	7,867,874,627	12,013,087,642		440,063,664	19,440,898,605
Dự án mở rộng nâng cấp HT N thành phố Nha trang	409,027,272	0			409,027,272
Các công trình tuyến ống cấp nước	358,823,258	13,901,932,483	5,268,395,000	6,055,692,445	2,936,668,296
Ống nhánh công ty đầu tư	0	9,594,608,980		9,722,914,916	-128,305,936
Cộng	10,217,921,875	35,831,849,857	5,268,395,000	16,218,671,025	29,831,100,707

12. Chi phí trả trước

	Số đầu năm	Tăng phát sinh trong kỳ	K/c TSCĐ	Giảm khác	Tồn cuối năm
Chi phí trả trước ngắn hạn (TK 142)	234,276,642	706,885,866	0	472,275,523	468,886,985
Chi phí trả trước dài hạn (TK 242)	41,893,986,049	15,907,103,499	0	26,946,359,125	30,854,730,423
- Chi phí đồng hồ thuê bao (TK 2421)	1,317,871,415			1,317,871,415	0
- Chi phí trả trước dài hạn khác (TK 2422)	40,576,114,634	15,907,103,499		25,628,487,710	30,854,730,423
Tổng cộng:	42,128,262,691	16,613,989,365	0	27,418,634,648	31,323,617,408



Phụ lục 3 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:

Chỉ tiêu	CP N đầu năm	Số còn phải nộp đầu quý	Số phát sinh trong kỳ		Lũy kế từ đầu năm		Còn phải nộp cuối kỳ
			SPN năm này	Số đã nộp quý này	Số phải nộp Lũy kế	Số đã nộp lũy kế	
I. THUẾ :	17,739,512,860	17,739,512,860	4,187,518,687	2,869,583,017	4,187,518,687	2,869,583,017	19,030,784,801
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	12,738,785	12,738,785	583,705,855	232,853,338	583,705,855	232,853,338	336,927,573
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0						0
3. Thuế Tiêu thụ đặc biệt	0						0
4. Thuế Xuất, Nhập khẩu	0						0
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-2,394,251,151	-2,394,251,151	1,985,438,609	700,000,000	1,985,438,609	700,000,000	-1,108,812,542
6. Thuế thu nhập cá nhân	509,781,826	509,781,826	498,158,223	830,107,279	498,158,223	830,107,279	177,832,770
7. Thuế Tài nguyên	113,058,400	113,058,400	1,106,400,600	1,092,807,000	1,106,400,600	1,092,807,000	126,652,000
8. Thuế Nhà đất	0	0	10,347,500	10,347,500	10,347,500	10,347,500	0
9. Tiền thuế đất	0	0	467,900	467,900	467,900	467,900	0
10. Các loại thuế khác	19,498,185,000	19,498,185,000	3,000,000	3,000,000	3,000,000	3,000,000	19,498,185,000
II. CÁC KHOẢN PHẢI NỘP KHÁC :	3,197,784,300	3,197,784,300	34,806,777,590	33,796,078,650	34,806,777,590	33,796,078,650	4,208,483,240
1. Phí Bảo vệ môi trường đối với nước thải SH	3,197,784,300	3,197,784,300	34,700,244,950	33,796,078,650	34,700,244,950	33,796,078,650	4,101,950,600
2. Các khoản phí, lệ phí (Phí dịch vụ Bảo vệ môi trường rừng)			106,532,640		106,532,640		106,532,640
3. Các khoản phải nộp khác							
TỔNG CỘNG (40 = 10 + 30)	20,937,297,160	20,937,297,160	38,994,296,277	36,665,661,667	38,994,296,277	36,665,661,667	23,239,268,041

Lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quân

Khánh Hòa, ngày tháng . . Năm 2014
 Tổng Giám đốc
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 CẤP THOÁT NƯỚC
 KHÁNH HÒA
 TRẦN VĂN HUY - T. KHÁNH HÒA

Trần Văn Huy

13.	Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	Ngân hàng phát triển Việt nam	4,513,080,000	6,769,620,000
	Quỹ Hỗ trợ đầu tư - Phát triển Khánh Hòa	450,000,000	1,350,000,000
	Tổng cộng:	4,963,080,000	8,119,620,000
14.	Phải trả người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
	- Công ty nhựa Tân Tiến	162,980,829	0
	- Công ty cổ phần tự động công nghiệp OMINA	0	360,139,000
	- Công ty cổ phần Quản lý & Xây dựng giao thông Khánh Hòa		814,599,000
	- Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Việt Phố		47,000,000
	- Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư Hà Minh	0	327,105,000
	- Công ty TNHH Dững Lợi		1,315,706,000
	- Công ty TNHH Hy Viễn		199,750,000
	- Công ty TNHH MTV Đồng Phát		1,387,254,000
	- Công ty TNHH MTV chứng khoán Ngân Hàng Đông Á		110,000,000
	- Công ty TNHH Nguyễn Ngọc	122,471,909	0
	- Công ty TNHH VINACOM	0	20,000,000
	- Công ty TNHH thương mại N.T.P	1,512,563,800	0
	- Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Thiên Phú		202,218,000
	- Trung tâm kiểm nghiệm		4,546,000
	- Xí nghiệp xây lắp công nghiệp Điện Lực Khánh Hòa		531,809,000
	- Công ty TNHH Khôi Việt	346,115,000	0
	Cộng:	2,144,131,538	5,320,126,000
15.	Người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
	Người mua trả tiền trước	1,482,540,751	782,982,000
	- Ban QLDA các công trình Giao thông và Thủy Lợi Khánh Hòa	670,187,000	0
	- Công ty cổ phần đầu tư VCN	0	6,000,000
	- Công ty cổ phần phát triển đô thị Vĩnh Thái	0	600,000,000
	- Công ty CP bất động sản Hà Quang	324,000,000	50,000,000
	- Công ty CP xây dựng đầu tư phát triển Bạch Đằng 15	114,862,000	114,862,000
	- Công ty TNHH Mương Thanh Nha Trang	117,967,000	0
	- Khách hàng lẻ	236,861,751	12,120,000
	- UBND phường Phước Long	18,663,000	0
	Doanh thu chưa thực hiện	0	14,734,545
	Cộng:	1,482,540,751	797,716,545



16. **Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.13).

Căn cứ theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 Công ty cổ phần cấp thoát nước Khánh Hòa có hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước sạch, căn cứ theo tiêu chí của Quyết định 1466/QĐ-TTg thì hoạt động SXN sạch của Công ty đáp ứng đủ tiêu chí trong hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa.

Căn cứ theo Khoản 3 Điều 19 Thông tư 78/TT-BTC ngày 18/06/2014 thì lĩnh vực sản xuất nước sạch là hoạt động xã hội hóa nên được áp dụng thuế suất 10% trong toàn bộ thời gian hoạt động

Do vậy Công ty áp dụng Khoản 2 Điều 18 Thông tư 78/TT-BTC ngày 18/06/2014 để tính Thuế TNDN như sau :

+ Hoạt động sản xuất nước : Thuế suất 10%

+ Các hoạt động khác : Thuế suất 22%

Thuế nhà đất và tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế Tài nguyên :

Công ty nộp tiền thuế Tài nguyên dựa trên sản lượng nước khai thác hàng tháng và kê khai nộp thuế hàng

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. **Phải trả người lao động**

Tiền lương phải trả người lao động

- Năm 2014 Công ty áp dụng phần đơn giá tiền lương theo Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần cấp thoát nước Khánh Hòa

Đối với Hoạt động Sản xuất nước : Đơn giá tiền lương 18,3đ/1000đ doanh thu

Đối với hoạt động xây lắp Đơn giá tiền lương theo Đơn giá Nhân công quyết toán Công trình được phê duyệt.

18. **Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả khác	1,164,498,485	794,500,999

19. **Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả thuế TNCN thu thừa của CBCNV	29,195,400	0
- Bảo hiểm y tế + BHTN	69,706,285	0
- Kinh phí công đoàn	397,001,741	279,274,741
- Bảo hiểm xã hội	328,711,700	0
- Phải trả tiền thu cổ phần hoa		45,686,549,158
Cộng:	<u><u>824,615,126</u></u>	<u><u>45,965,823,899</u></u>

200

NG T

PTH

HÁI

24/11

20. Quỹ khen thưởng , quỹ phúc lợi , Quỹ thưởng Ban điều hành

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ khen thưởng	0	8,071,313,124
- Quỹ phúc lợi	5,151,193,369	5,861,270,793
- Quỹ thưởng Ban điều hành sản xuất	0	355,324,000
Cộng:	<u>5,151,193,369</u>	<u>14,287,907,917</u>

21. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Lãi vay ân hạn vốn ODA phải trả từ ngày 01/06/2012 đến ngày 01/06/2024	10,791,600,000	11,680,000,000
Quỹ hội cấp nước Miền Trung Tây Nguyên	267,363,354	150,363,354
UBND xã Diên an góp vốn thi công hệ thống cấp nước	400,000,000	400,000,000
Cộng:	<u>11,458,963,354</u>	<u>12,230,363,354</u>

22. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay dài hạn từ nguồn vốn ODA phải trả cho Ngân hàng phát triển Việt nam - Chi nhánh Khánh hòa :

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn		
Ngân hàng Phát triển Việt nam	85,748,520,978	85,748,520,978
Quỹ hỗ trợ phát triển đầu tư Khánh Hòa	11,968,141,400	11,968,141,400
Tổng cộng:	<u>97,716,662,378</u>	<u>97,716,662,378</u>

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	0
Tổng cộng:	<u>0</u>	<u>0</u>

24. Vốn chủ sở hữu

Vốn Nhà nước : 79,23%	206,000,000,000	206,000,000,000
Vốn thể nhân và pháp nhân khác : 20,77%	54,000,000,000	54,000,000,000
Cộng	<u>260,000,000,000</u>	<u>260,000,000,000</u>

Thặng dư vốn cổ phần

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
	852,875,935	852,875,935
	<u>852,875,935</u>	<u>852,875,935</u>

Chênh lệch đánh giá lại

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	

Quỹ đầu tư phát triển :

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển	4,891,090,568	4,891,090,568
Cộng:	<u>4,891,090,568</u>	<u>4,891,090,568</u>

Quỹ dự phòng tài chính :

- Đề bù đắp những tổn thất , thiệt hại về tài sản , công nợ không đòi được xảy ra trong HĐSXKD
- Bù đắp các khoản lỗ của công ty theo quyết định của Chủ sở hữu.

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ dự phòng tài chính	0	0
Cộng:	<u>0</u>	<u>0</u>

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối .

- Lợi nhuận còn lại năm 2013 phải nộp Ngân sách Tỉnh KH	2,628,257,011	2,628,257,011
- Lợi nhuận còn lại năm 2013 phải nộp về Bộ Tài Chính		3,846,257,011
- Lợi nhuận chưa phân phối 9 tháng năm 2014	<u>16,703,410,858</u>	
Cộng	<u>19,331,667,869</u>	<u>6,474,514,022</u>

25. Nguồn kinh phí và quỹ khác

Sở Tài chính cấp kinh phí để thanh toán dự án khảo sát thiết kế hệ thống cấp nước Thành phố Nha trang - Diên Khánh và lhu vực phụ cận Diên Khánh đến năm 2015.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguồn kinh phí	640,350,000	1,090,350,000
Cộng:	<u>640,350,000</u>	<u>1,090,350,000</u>

00;
PH
NÚ
HÒ
r.kv

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

26. Doanh thu

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	137,841,510,060	
- Doanh thu bán hàng hoá (Nước sạch)	127,545,453,977	
- Doanh thu bán các thành phẩm (Xây lắp)	9,216,130,076	
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (Thiết kế, thẩm tra DTTK)	1,039,525,599	
- Doanh thu bán hàng	40,400,408	
Các khoản giảm trừ doanh thu	10,221,776	
- Hàng bán bị trả lại	10,221,776	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>137,831,288,284</u>	

27. Giá vốn hàng bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá vốn sản xuất nước	105,141,144,793	
Giá vốn các Công trình xây lắp	8,024,359,331	
Giá vốn Công tác Khảo sát thiết kế	315,304,123	
Giá vốn hàng bán	41,147,639	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	
Cộng:	<u>113,521,955,886</u>	<u>0</u>

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thu lãi tiền gửi	303,478,747	
- Thu nhập từ tiền gửi vốn có thời hạn	2,427,948,714	
Cộng:	<u>2,731,427,461</u>	<u>0</u>

29. Chi phí tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trả lãi tiền vay	4,228,377,990	
Cộng:	<u>4,228,377,990</u>	<u>0</u>

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	1,004,924,952	
- Chi phí vật liệu quản lý	23,654,546	
- Chi phí đồ dùng văn phòng	359,362,471	
- Chi phí khấu hao TSCĐ	210,713,741	
- Thuế, phí và lệ phí	13,347,500	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	137,958,481	
- Chi phí bằng tiền khác	2,223,867,904	
Cộng:	<u>3,973,829,595</u>	<u>0</u>

31. Thu nhập khác



	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thu tiền điện , nhượng bán vật tư , cho thuê xe đào ...	52,323,512	
- Vật tư thu hồi tại các công trình	132,110,887	
- Phí BVMT 7,5% Để lại chi hỗ trợ CBCNV	2,813,533,400	
- Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	
- Thu nhập khác	14,769,372	0
Cộng:	<u>3,012,737,171</u>	<u>0</u>

32. Chi phí khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nộp phạt chậm nộp thuế và BHXH	20,883,014	0
- Chi hỗ trợ phí BVMT + Tiền xăng từ nguồn 7,5%	2,180,264,790	0
- Chi phí khác	444,132,800	0
	<u>2,645,280,604</u>	<u>0</u>

Lập biểu

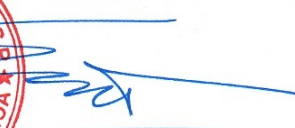
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quân

Khánh hòa , ngày .. tháng .. năm 2014

Tổng Giám đốc

Trần Văn Huy

